



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05-20
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM mà tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 19.023.000.000 VND (Mười chín tỷ không trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn). Tương đương 1.902.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Quế	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Minh	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phan Văn Đạo	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Bùi Toàn Thắng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phạm Thị Chương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Tạ Đình Lân	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Lê Thúy Hằng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Quế	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2010)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 09 năm 2010)
Ông Đỗ Văn Hồ	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Bùi Toàn Thắng	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Trần Thị Bảo Hiền	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Đỗ Tiến Dũng

Giám đốc

Hà nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011



Số: 386 /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM*

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2011


Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0593/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.571.275.911	13.746.963.525
110	1 Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.840.240.480	445.227.427
111	1 Tiền		140.240.480	445.227.427
112	2 Các khoản tương đương tiền		1.700.000.000	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		4.655.107.646	5.546.234.508
131	1 Phải thu của khách hàng		4.696.419.848	5.640.472.091
132	2 Trả trước cho người bán		49.300.000	12.000.000
135	5 Các khoản phải thu khác	4	40.736.385	25.111.004
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(131.348.587)	(131.348.587)
140	IV Hàng tồn kho		6.011.888.818	7.710.028.062
141	1 Hàng tồn kho	5	6.245.247.286	7.795.833.769
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(233.358.468)	(85.805.707)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		64.038.967	45.473.528
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	20.712.698	-
158	5 Tài sản ngắn hạn khác		43.326.269	45.473.528
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		7.434.474.401	7.675.006.125
220	II Tài sản cố định		6.618.821.177	7.394.902.088
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	6.618.821.177	6.939.886.269
222	- Nguyên giá		16.872.840.926	16.363.706.993
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.254.019.749)	(9.423.820.724)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	455.015.819
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	132.000.000	172.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		132.000.000	172.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		683.653.224	108.104.037
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	9	683.653.224	108.104.037
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.005.750.312	21.421.969.650

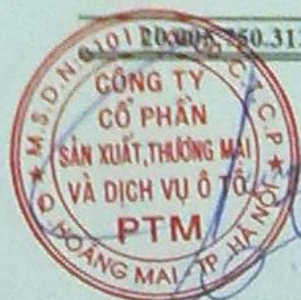
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		2.300.327.637	9.822.243.027
310	I Nợ ngắn hạn		2.165.119.766	9.541.030.600
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	10	196.500.000	6.303.327.280
312	2 Phải trả người bán		1.343.553.819	2.320.413.967
313	3 Người mua trả tiền trước		81.400.000	434.422.855
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	275.624.407	118.102.038
315	5 Phải trả người lao động		83.692.021	113.455.717
316	6 Chi phí phải trả	12	75.219.094	102.785.694
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	87.788.729	121.456.353
323	11 Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.341.696	27.066.696
330	II Nợ dài hạn		135.207.871	281.212.427
334	4 Vay và nợ dài hạn	14	101.500.000	243.500.000
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		33.707.871	37.712.427
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.705.422.675	11.599.726.623
410	I Vốn chủ sở hữu	15	17.705.422.675	11.599.726.623
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		19.023.000.000	13.023.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	6.182.377
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		91.265.975	91.265.975
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		31.656.505	31.656.505
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.460.499.805)	(1.552.378.234)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.705.422.675	21.421.969.650

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thủy Hạnh
Kế toán trưởng



Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	20.403.689.187	16.277.168.350
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.403.689.187	16.277.168.350
11	4 Giá vốn hàng bán	17	18.300.662.208	16.023.773.778
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.103.026.979	253.394.572
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	18	69.725.165	21.066.853
22	7 Chi phí tài chính	19	722.883.426	666.400.997
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		656.899.975	608.560.911
24	8 Chi phí bán hàng		270.544.657	271.318.421
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.176.100.507	1.009.306.698
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.223.554	(1.672.564.691)
31	11 Thu nhập khác		165.087.421	288.694.692
32	12 Chi phí khác		76.432.546	208.560.532
40	13 Lợi nhuận khác		88.654.875	80.134.160
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		91.878.429	(1.592.430.531)
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>91.878.429</u>	<u>(1.592.430.531)</u>
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	66	(1.223)

Handwritten signature

Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng



Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		19.554.235.071	20.051.611.188
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(13.155.991.443)	(11.888.738.779)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(2.160.826.410)	(2.271.742.250)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(604.082.943)	(658.640.629)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(32.637.949)	(182.024.971)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		171.651.900	1.181.584.608
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.688.901.815)	(3.329.823.066)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>2.083.446.411</i>	<i>2.902.226.101</i>
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(662.081.776)	(1.107.792.866)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		75.000.000	60.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(66.000.000)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.000.000	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		47.475.698	16.366.141
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(499.606.078)</i>	<i>(1.097.426.725)</i>
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		6.060.000.000	-
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.100.906.104	10.953.046.791
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(18.349.733.384)	(12.052.018.111)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(651.150.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(188.827.280)</i>	<i>(1.750.121.320)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>1.395.013.053</i>	<i>54.678.056</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		445.227.427	390.549.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.840.240.480	445.227.427



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM mà tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2001, thay đổi lần 7 ngày 24 tháng 2 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu: Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại
- Giáo dục nghề nghiệp
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Bán lẻ ô tô con(loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Bảo dưỡng ,sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu mới nhôm, nhựa composit;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

2.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Tiền thuê đất;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.12 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.13 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Lỗ năm 2009 của Công ty là (1.592.430.531) đồng. Công ty đăng ký chuyển lỗ của năm 2009 bắt đầu từ năm 2010.

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
Tiền mặt	44.175.203	7.878.261
Tiền gửi ngân hàng	96.065.277	437.349.166
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	-
Cộng	<u><u>1.840.240.480</u></u>	<u><u>445.227.427</u></u>
4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu Bảo hiểm xã hội nộp thừa	28.225.500	-
Phải thu khác	12.510.885	25.111.004
Cộng	<u><u>40.736.385</u></u>	<u><u>25.111.004</u></u>
5 . HÀNG TỒN KHO		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.610.267.696	3.594.178.484
Công cụ, dụng cụ	136.484.620	190.513.843
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	298.156.319	1.055.452.173
Thành phẩm	2.065.858.584	2.211.955.277
Hàng hoá	134.480.067	743.733.992
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u><u>6.245.247.286</u></u>	<u><u>7.795.833.769</u></u>
6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.712.698	-
Cộng	<u><u>20.712.698</u></u>	<u><u>-</u></u>

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.618.985.150	13.531.121.005	1.062.831.887	150.768.951	16.363.706.993
2. Số tăng trong năm	-	662.081.776	-	-	662.081.776
- Mua sắm mới	-	662.081.776	-	-	662.081.776
3. Số giảm trong năm	-	(152.947.843)	-	-	(152.947.843)
- Chuyển sang BĐSĐT	-	(152.947.843)	-	-	(152.947.843)
4. Số dư cuối năm	1.618.985.150	14.040.254.938	1.062.831.887	150.768.951	16.872.840.926
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	783.434.351	8.012.498.282	497.765.401	130.122.690	9.423.820.724
2. Số tăng trong năm	115.436.013	721.779.118	94.339.988	13.354.788	944.909.907
- Tích khấu hao	115.436.013	721.779.118	94.339.988	13.354.788	944.909.907
3. Số giảm trong năm	-	(114.710.882)	-	-	(114.710.882)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(114.710.882)	-	-	(114.710.882)
4. Số dư cuối năm	898.870.364	8.619.566.518	592.105.389	143.477.478	10.254.019.749
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	835.550.799	5.518.622.723	565.066.486	20.646.261	6.929.886.269
2. Tại ngày cuối năm	720.114.786	5.420.688.420	470.726.498	7.291.473	6.618.821.177

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.242.515.790 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.275.946.097 đồng



8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	132.000.000	172.000.000
- Đầu tư góp vốn vào Cty TNHH TV&PT Phần mềm	-	40.000.000
- Đầu tư góp vốn vào Cty TP TM Kim Hoa	132.000.000	132.000.000
Cộng	132.000.000	172.000.000

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền thuê đất phân bổ dần (*)	665.446.977	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	11.353.167	40.432.240
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.853.080	67.671.797
Cộng	683.653.224	108.104.037

(*): Tiền thuê đất truy thu từ năm 2001 đến 2009 do sự thay đổi trong đơn giá tính tiền thuê đất của UBND Thành phố Hà nội theo thông báo nộp tiền thuê đất ngày 10/09/2010 của Chi cục Thuế Quận Hoàng Mai. Số tiền này Công ty dự kiến phân bổ trong thời gian 5 năm. Số đã phân bổ trong năm 2010 là 22.946.447 đồng.

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	94.500.000	6.139.706.280
- Vay ngân hàng	-	5.263.656.280
- Vay đối tượng khác	94.500.000	876.050.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	102.000.000	163.621.000
Cộng	196.500.000	6.303.327.280

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn
Các khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2010 là các khoản vay cá nhân với tổng số dư là 94.500.000 đồng, lãi suất của các hợp đồng vay là từ 10% đến 12% năm, thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Theo hợp đồng thì các khoản vay này đã phải đáo hạn nhưng người cho vay chưa thu lại nên Công ty chưa thanh toán cho bên cho vay.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	270.322.892	93.413.937
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	12.156.969
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.925.251
Thuế Thu nhập cá nhân	5.301.515	605.881
Cộng	275.624.407	118.102.038

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước phí tư vấn phát hành chứng khoán	40.000.000	-
Trích trước tiền điện tháng 12	17.382.704	32.132.272
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	17.836.390	70.653.422
Cộng	75.219.094	102.785.694

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25.435.587	39.439.121
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.353.142	82.017.232
Cộng	87.788.729	121.456.353

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	101.500.000	243.500.000
- Vay ngân hàng	101.500.000	243.500.000
Cộng	101.500.000	243.500.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2010 là của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HDTD. Bên cho vay là Ngân hàng Công Thương chi nhánh Đống Đa với lãi suất là 10,5%/năm, thời hạn vay là 48 tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng số tiền vay là 405.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2010 là 203.500.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong năm 2011 là 102.000.000 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Dự đầu tư phát triển	Dự dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	CSH VND	VND		VND	VND				
Số dư đầu năm trước	13.023.000.000	-	-	-	-	59.609.470	-	770.343.560	13.852.953.030
Tăng do phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	31.656.505	-	-	63.313.010
Tăng khác	-	-	-	-	6.182.377	-	-	-	6.182.377
Giảm do trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(651.150.000)	(651.150.000)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(1.592.430.531)	(1.592.430.531)
Giảm do trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(79.141.263)	(79.141.263)
Số dư cuối năm trước	13.023.000.000	-	-	-	6.182.377	91.265.975	-	(1.552.378.234)	11.599.726.623
Tăng vốn trong năm nay (*)	6.000.000.000	-	20.000.000	-	-	-	-	91.878.429	6.020.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(6.182.377)	-	-	-	91.878.429
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.182.377)
Số dư cuối năm nay	19.023.000.000	-	20.000.000	-	-	91.265.975	-	(1.460.499.805)	17.705.422.675
			Tỷ lệ %		Cuối năm VND	Tỷ lệ %		Số tiền VND	
Vốn góp của Viện máy và Dụng cụ công nghiệp			34,92%		6.642.000.000	51%		6.642.000.000	
Vốn góp của Công ty CP ĐT và DV Ô tô VN			31,54%		6.000.000.000	0%		-	
Vốn góp của các đối tượng khác			33,54%		6.381.000.000	49%		6.381.000.000	
			100%		19.023.000.000	100%		13.023.000.000	

(*) Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành riêng lẻ cổ phần để bán cho đối tác chiến lược theo chủ trương của Hội đồng quản trị. Công ty đã tiến hành thực hiện các thủ tục tăng vốn theo quy định hiện hành và đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành thêm cổ phiếu. Kết quả của đợt phát hành riêng lẻ là toàn bộ số cổ phiếu đăng ký chào bán được bán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Việt Nam với giá 10.100 đồng/cổ phần. Đến ngày 11/11/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Việt Nam đã chuyển toàn bộ số vốn góp theo kết quả phát hành cổ phiếu.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.023.000.000	13.023.000.000
- Vốn góp đầu năm	13.023.000.000	13.023.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	6.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	19.023.000.000	13.023.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	651.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	651.150.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.902.300	1.302.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.902.300	1.302.300
- Cổ phiếu phổ thông	1.902.300	1.302.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.902.300	1.302.300
- Cổ phiếu phổ thông	1.902.300	1.302.300
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.265.975	91.265.975
Quỹ dự phòng tài chính	31.656.505	31.656.505
Cộng	122.922.480	122.922.480

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	20.403.689.187	16.277.168.350
Cộng	20.403.689.187	16.277.168.350

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18.300.662.208	16.023.773.778
Cộng	18.300.662.208	16.023.773.778

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.475.698	4.892.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.249.467	16.173.863
Cộng	69.725.165	21.066.853

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	656.890.975	608.560.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.903.471	57.840.086
Cộng	722.803.436	666.400.997

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.878.429	(1.592.430.531)
Chuyển lỗ của năm 2009 (*)	(91.878.429)	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-

(*) Năm 2009 bị lỗ vì vậy Công ty đăng ký chuyển lỗ của năm 2009 bắt đầu từ năm 2010. Do đó, năm 2010 Công ty không phải nộp thuế TNDN.

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	91.878.429	(1.592.430.531)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	91.878.429	(1.592.430.531)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.384.718	1.302.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	66	(1.223)

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 8 tháng 1 năm 2011 đã thống nhất thông qua việc thay đổi chiến lược kinh doanh của Công ty. Theo đó, từ năm 2011 Công ty chuyển lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sang dịch vụ sửa chữa và buôn bán, bán lẻ ô tô. Toàn bộ dây chuyền, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất cơ khí được công ty bán cho Công ty Cổ phần Thiết bị kỹ thuật số (Dinso), đồng thời thống nhất chủ trương góp vốn bằng tiền vào Công ty này thông qua việc mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu. Đại hội cũng thống nhất thông qua việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp Công ty tiến hành tổ chức hoạt động và báo cáo bộ phận theo mặt hàng kinh doanh. Cụ thể được trình bày như dưới đây:

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo mặt hàng kinh doanh

	Bán hàng hóa	Hoạt động cơ khí	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng	1.745.904.528	18.657.784.659	20.403.689.187
Giá vốn hàng bán	1.708.632.103	16.576.937.132	18.285.569.235
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	37.272.425	2.080.847.527	2.118.119.952




Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý
Toàn bộ sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường Miền Bắc

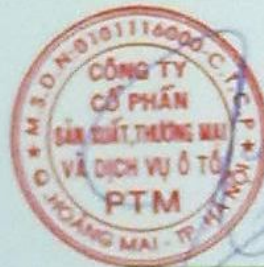
24 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

CHỈ TIÊU	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên
			báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	9.541.030.600	9.513.963.904
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	27.066.696	-
Vốn chủ sở hữu	400	11.599.726.623	11.626.793.319


Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng




Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011